

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2017/HSST.

Ngày 03/8/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Bản và bà Lê Thị Chanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên, kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 183/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Sòng A G, sinh năm 1986 tại huyện M, Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; con ông Sòng A S và bà Giàng Thị D; có vợ là Giàng Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 5 năm 2017 đến nay; có mặt.

2. Bị cáo thứ hai: Giàng A C, sinh năm 1973 tại huyện P, Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; con ông Giàng A T và bà Hạng Thị M (đều đã chết); có vợ là Lầu Thị C và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 5 năm 2017 đến nay; có mặt.

3. Bị cáo thứ ba: Giàng A P, sinh năm 1969 tại huyện P, Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; con ông Giàng A T và bà Hạng Thị M (đều đã chết); có vợ là Phàng Thị D và có 08 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 5 năm 2017 đến nay; có mặt.

4. Người bị hại: Chị Lương Thị N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Giàng Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Sông A G, Giàng A C, Giàng A P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chiều ngày 09 tháng 5 năm 2017, Sông A G một mình đi bộ vào khu vực rừng khoanh nuôi Cô Nin thuộc bản C, xã T, huyện M để hái măng có nhìn thấy 01 con bò cái khoảng 11 năm tuổi, chân sau bên trái bị tật của gia đình chị Lương Thị N đang chăn thả. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Giàng A C đến nhà G chơi, G rủ C đi lấy trộm 01 con bò cái G đã thấy ở khu rừng Cô Nin để giết mổ lấy thịt bán lấy tiền, C đồng ý. C đến góc bếp lấy 01 túi làm từ bao tải dứa màu vàng có dòng chữ “vỏ giống bắp lai đơn F1” bên trong đựng 01 bao tải dứa màu vàng, G lấy 01 con dao dài 42cm, lưỡi dài 27 cm và 01 chiếc điện thoại hiệu FPT – C3 ở đầu điện thoại có đèn pin để soi đường đi. G và C vừa ra khỏi nhà thì gặp Sông A P, P đi theo sau G và C, G có nói với P là G và C đang đi lấy trộm bò, P xin cùng tham gia, G và C đồng ý. Trên đường đi G nhặt 01 đoạn gậy dài khoảng 60cm x 10cm. Khoảng 22 giờ cùng ngày, G, C và P đi đến chỗ con bò của gia đình chị N thì bắt gặp con bò đứng dậy chạy, C đuổi theo túm được đuôi con bò, G bật đèn pin điện thoại đưa cho C, thấy đoạn dây thừng ở mũi con bò ngắn không dắt đi được nên C bảo G giữ dây thừng rồi đưa điện thoại cho P để C đi lấy một đoạn dây thừng nối vào đầu dây thừng đang xoắn mũi con bò dắt đi khoảng 100m, C buộc con bò vào một gốc cây to trước cửa một hang đá. P cầm điện thoại soi, G dùng gậy gỗ vục 04 nhát vào đầu con bò làm con bò ngã xuống, C và G mổ bò lấy phần thịt ở hai chân sau và phần thịt thăn ở phía trước chân trái con bò cho vào bao tải mang về. P soi đèn pin điện thoại cho C và G thay nhau xách bao thịt bò về nhà G, trên đường đi G vút gậy gỗ đã dùng để đập con bò. Về đến nhà G giấu bao tải thịt ở đồng củi, cả ba thống nhất G sẽ là người mang thịt đi bán, C và P đi về nhà ngủ. Đến 04 giờ sáng ngày 10 tháng 5 năm 2017 G dùng xe máy BKS xxxchở bao thịt bò đi tiêu thụ. Khi đi đến Tiểu khu P, thị trấn N, huyện M, G mang bao thịt bò vào một quán bán hàng bán cho một người phụ nữ không quen biết 17kg thịt với giá 40.000đ/1 kg được 700.000đ. Sau đó G đi xe máy về nhà. Khoảng 08 giờ cùng ngày P và C đến nhà, G chia cho P 250.000đ, chia cho C 250.000đ, G giữ lại 200.000đ. Số tiền này các bị cáo đều đã chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá số 18/TĐG-TCKH ngày 14 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng định giá kết luận: 01 con bò cái khoảng 11 năm tuổi, chân sau bên trái bị dị tật, trọng lượng khoảng 60kg thịt, giá trị 7.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án là khu vực gần gốc cây trước cửa hang đá thuộc rừng khoanh nuôi Cô Nin thuộc bản C, xã T, huyện M. Biên bản khám nghiệm hiện trường kèm theo sơ đồ đã xác định hiện trường phù hợp với lời khai của các bị cáo. Thu giữ tại nhà Sông A G: 01 con dao bằng kim loại, 01 túi vỏ bao tải dứa, 01 điện thoại FPT-C3, 01 xe máy Honda Wave RSX; có đặc điểm phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Tại đơn trình báo, đơn đề nghị bồi thường và các lời khai, người bị hại Lương Thị N trình bày chị mua con bò cái năm 2015 để làm giống, trị giá 12.000.000đ. Ngày 24 tháng 6 năm 2017, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, các bị cáo và chị Lương Thị N đã thỏa thuận các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị N 12.000.000đ giá trị con bò và 2.000.000đ tiền công tìm kiếm. Tổng cộng là 14.000.000đ. Theo phần: G bồi thường 6.000.000đ, C bồi thường 5.000.000đ, P bồi thường 3.000.000đ. Đến nay, các bị cáo đều chưa bồi thường được cho chị N. Tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại giữ nguyên thỏa thuận bồi thường về giá trị con bò, công tìm kiếm và trách nhiệm bồi thường theo phần của từng bị cáo. Người bị hại đề nghị xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 19 tháng 7 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố các bị can Sông A G, Giàng A C và Giàng A P về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sông A G, Giàng A C và Giàng A P phạm tội trộm cắp tài sản và áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với các bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Sông A G từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Giàng A C từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Giàng A P từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Sông A G 01 chiếc điện thoại hiệu FPT – C3, vỏ màu đen; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 xe máy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Sông A G và chị Giàng Thị T, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, vỏ màu đỏ đen, biển kiểm soát 26G1 – 116.03.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc túi làm từ bao tải dừa màu vàng có dòng chữ “vỏ giống bắp lai đơn F1”, đã qua sử dụng cũ; 01 con dao dài 42cm, lưỡi dài 27 cm, đã qua sử dụng cũ.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc các bị cáo Sông A G, Giàng A C, Giàng A P và người bị hại Lường Thị N đã thỏa thuận về việc bồi thường dân sự. Buộc các bị cáo Sông A G, Giàng A C, Giàng A P có trách nhiệm bồi thường cho chị Lường Thị N tổng số tiền 14.000.000đ, trong đó 12.000.000đ tiền giá trị con bò và 2.000.000đ tiền công tìm kiếm. Theo phần: Bị cáo G có trách nhiệm bồi thường 6.000.000đ, bị cáo C có trách nhiệm bồi thường 5.000.000đ, bị cáo P có trách nhiệm bồi thường 3.000.000đ.

6. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

XÉT THẤY

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận ngày 09/5/2017 đã cùng nhau lén lút giết mổ 01 con bò của chị Lường Thị N. Đến ngày 03/7/2017, Giàng A P thay đổi lời khai là không được tham gia trộm cắp bò cùng G, C và cũng không biết việc G, C trộm cắp gì. Ngày 19/7/2017, tại Biên bản hỏi cung do Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tiến hành, Giàng A P đã khai nhận lý do thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi là để không bị xử lý, nay đã nhận thức rõ nên tự nguyện khai nhận lại để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ các hành vi trên, giữ nguyên lời khai nhận tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nhau và phù hợp đơn trình báo của người bị hại, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, biên bản thỏa thuận về việc bồi thường dân sự; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ căn cứ khẳng định:

Ngày 09 tháng 5 năm 2017 Sông A G, Giàng A C, Gàng A P đã cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 con bò cái 11 năm tuổi giá trị 7.000.000đ của gia đình chị Lương Thị N. Trong đó: Sông A G là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, là người thực hiện hành vi dùng gậy gỗ vọt vào đầu bò, mổ bò và đem thịt đi bán, chia tiền cho các đồng phạm, được hưởng lợi 200.000đ trong số 700.000đ tiền bán thịt, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Giàng A C là người đuổi bắt, buộc, mổ bò và được hưởng lợi 250.000đ trong số tiền bán thịt, có vai trò người thực hành. Gàng A P là người soi đèn điện thoại cho G, C mổ bò và soi đèn trên đường đem thịt về, được hưởng 250.000đ trong số tiền bán thịt, có vai trò người giúp sức.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Điều khoản quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn cố ý cùng thực hiện, thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét căn cứ quyết định hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời căn cứ Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 quyết định hình phạt phù hợp với vai trò đồng phạm của từng bị cáo.

Về nhân thân: Giàng A C ngày 26 tháng 9 năm 2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2012, đã được xóa án tích). Sông A G, Giàng A P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn. Do vậy, Sông A G, Giàng A P được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Giàng A C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra có thu giữ của bị cáo Sông A G 01 chiếc xe máy. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia

đình của các bị cáo, cần áp dụng khoản 5 Điều 138, Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo Sông A G. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Giàng A C và Giàng A P.

Về vật chứng của vụ án, áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 túi làm từ bao tải dừa màu vàng có dòng chữ “vỏ giống bắp lai đơn F1”; 01 con dao dài 42cm, lưỡi dài 27 cm đã sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại hiệu FPT-C3 là tài sản của Sông A G sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 xe máy BKS 26G1- 116.03 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Sông A G. Chị Giàng Thị Thái (vợ bị cáo G) không biết việc bị cáo G sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện phạm tội. Cần tiếp tục tạm giữ chiếc xe để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc gậy gỗ mà Sông A G sử dụng làm công cụ phạm tội, bị cáo đã vứt ở trong rừng nên không thu lại được.

Về bồi thường dân sự: Các bị cáo G, C, P và người bị hại đã thỏa thuận về giá tài sản, công tìm kiếm, trách nhiệm theo phần của từng bị cáo. Xét việc thỏa thuận bồi thường dân sự trên là hoàn toàn tự nguyện, cần áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại. Do thực tế đến nay các bị cáo đều chưa bồi thường cho bị hại nên cần buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị N số tiền 14.000.000đ, trong đó 12.000.000đ tiền giá trị con bò và 2.000.000đ tiền công tìm kiếm. Theo phần: Bị cáo G bồi thường 6.000.000đ, bị cáo C bồi thường 5.000.000đ, bị cáo P bồi thường 3.000.000đ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Sông A G, Giàng A C, Giàng A P phạm tội trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Sông A G 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2017. Phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo 1.000.000 (Một triệu) đồng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Giàng A C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Giàng A P 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Sông A G 01 chiếc điện thoại hiệu FPT – C3, vỏ màu đen, đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc túi làm từ bao tải dứa màu vàng có dòng chữ “vỏ giống bắp lai đơn F1”, đã qua sử dụng cũ; 01 con dao dài 42cm, lưỡi dài 27 cm, đã qua sử dụng cũ.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 xe máy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Sông A G và chị Giàng Thị T, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, vỏ màu đỏ đen, biển kiểm soát 26G1 – 116.03, số máy 6041047, số khung 028140, không có gương chiếu hậu, yên rách, giá đỡ chân trước 2 bên không có, không có hộp xích, xe đã qua sử dụng cũ.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc các bị cáo Sông A G, Giàng A C, Giàng A P và người bị hại Lương Thị N đã thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Buộc các bị cáo Sông A G, Giàng A C, Giàng A P có trách nhiệm bồi thường cho chị Lương Thị N tổng số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn), trong đó 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền giá trị con bò và 2.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền công tìm kiếm. Theo phần: Bị cáo G có trách nhiệm bồi thường 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn), bị cáo C có trách nhiệm bồi thường 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn), bị cáo P có trách nhiệm bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sông A G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Giàng A C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Giàng A P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Chanh Đỗ Đình Bản

Nguyễn Thị Hồng Hạnh